

Số: 21/NQ-HĐND

Xuân Lộc, ngày 14 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 và thống nhất chủ trương kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC  
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Xuân Lộc;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 và thống nhất chủ trương kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Xuân Lộc, cụ thể như sau:

**1.** Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024:

**a)** Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Bổ sung 3.823 triệu đồng để cấp vốn tất toán cho 06 dự án.

**\* Chi tiết theo phụ lục số II đính kèm.**

b) Nguồn vốn ngân sách huyện: Điều chỉnh giảm tổng vốn đầu tư công năm 2024 là 25.000 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất (thu khai thác quỹ đất) do số dự kiến đến nay chưa phân bổ cho các dự án và không có nhu cầu sử dụng, đồng thời điều chuyển vốn giữa các dự án cho phù hợp với nhu cầu thực tế của các dự án, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm vốn 05 dự án để tăng vốn cho 14 dự án với tổng số tiền là: 62.890 triệu đồng (trong đó: bổ sung khởi công mới 02 dự án: Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Thành 1.500 triệu đồng; Nhà huấn luyện và thi đấu võ thuật của Ban chỉ huy Quân sự huyện 800 triệu đồng) từ nguồn vốn ngân sách tập trung:

- Điều chỉnh giảm vốn 03 dự án và giảm vốn dự phòng tất toán công trình để tăng vốn cho 06 dự án với tổng số tiền là 11.449 triệu đồng (trong đó: bổ sung khởi công mới 01 dự án Trường MN Xuân Hưng 200 triệu đồng để thực hiện lập hồ sơ thiết kế sau thiết kế cơ sở), từ nguồn xổ số kiến thiết:

- Điều chỉnh giảm vốn 02 dự án và giảm vốn dự phòng tất toán công trình là 25.000 triệu đồng, từ nguồn thu tiền sử dụng đất:

**\* Chi tiết theo phụ lục số III đính kèm.**

2. Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung là **440.186 triệu đồng**, gồm các nguồn vốn sau:

a) Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là **120.937 triệu đồng**, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung: 13.333 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 74.752 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 2.852 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết thu vượt năm 2023: 30.000 triệu đồng.

b) Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là **319.249 triệu đồng**, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung: 165.879 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 63.513 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 24.000 triệu đồng.
- Nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh: 30.000 triệu đồng.
- Nguồn tăng thu tiết kiệm chi: 3.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư khác: 4.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn thực hiện theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh là 27.857 triệu đồng bao gồm: Vốn tỉnh hỗ trợ là 13.999 triệu đồng; vốn huy động nhân dân đóng góp là 13.858 triệu đồng. Riêng nguồn vốn ngân sách huyện cấp đối ứng đã được cấp từ nguồn thu khai thác quỹ đất và nguồn vốn tập trung năm 2024.

**\* Chi tiết theo phụ lục số I, II, III, IV, V đính kèm.**



**Điều 2.** Kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án:

Thông nhất chủ trương để Ủy ban nhân dân huyện lập hồ sơ đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2025 đối với 04 dự án nhóm C đã được bố trí vốn thực hiện dự án từ năm 2022, bao gồm: Nâng cấp, mở rộng Đường Hoàng Đình Thương; Trường Tiểu học Trịnh Hoài Đức; Trường Tiểu học Phù Đồng; Đường Suối Rét B theo quy định tại Khoản 2, Điều 52, Luật Đầu tư công.

*\* Chi tiết theo phụ lục số 1 đính kèm.*

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2024; báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc Khóa VII Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: HĐND; UBND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở KH và ĐT;
- Đại biểu HĐND tỉnh Đồng Nai (đơn vị Xuân Lộc);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT. Huyện ủy Xuân Lộc;
- TT. Hội đồng nhân dân huyện;
- 02 Ban Hội đồng nhân dân huyện;
- Các Tổ đại biểu HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể huyện;
- Ban Tổ chức Huyện ủy;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các phòng, ban, ngành thuộc huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT; hồ sơ kỳ họp. *ML*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Hóa**

## Phụ lục I

**TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc)

ST T	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ VỐN</b>	<b>461.363</b>	<b>(21.177)</b>	<b>440.186</b>	
	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH</b>	<b>117.114</b>	<b>3.823</b>	<b>120.937</b>	
1	Vốn ngân sách tập trung	12.353	980	13.333	
2	Đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	74.752	-	74.752	
3	Nguồn xổ số kiến thiết	9	2.843	2.852	
4	Nguồn xổ số kiến thiết thu vượt năm 2023	30.000	-	30.000	
	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>344.249</b>	<b>(25.000)</b>	<b>319.249</b>	
1	Vốn ngân sách tập trung	165.879	-	165.879	
2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	63.513	-	63.513	
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất	49.000	(25.000)	24.000	
4	Bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh	30.000	-	30.000	
5	Nguồn vốn thực hiện theo quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh (bao gồm nguồn vốn tỉnh hỗ trợ, vốn đối ứng ngân sách huyện và vốn huy động)	27.857	-	27.857	
a	Vốn tỉnh hỗ trợ các công trình XHH GTNT	13.999	-	13.999	
b	Vốn huyện hỗ trợ các công trình XHH GTNT		-	-	Hỗ trợ ở nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2024
c	Nguồn thu nhân dân đóng góp XHH GTNT	13.858	-	13.858	
6	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	3.500	-	3.500	
7	Nguồn vốn đầu tư khác (từ vốn chi thường xuyên)	4.500	-	4.500	



## Phụ lục II

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐĐXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>			1.604.975	365.446	117.114	3.823	120.937	
<b>A</b>	<b>Nguồn ngân sách tập trung</b>			260.110	136.026	12.353	980	13.333	
<b>A.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>			260.110	136.026	10.050	-	10.050	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			260.110	136.026	10.050	-	10.050	
	<b>Giao thông</b>			260.110	136.026	10.050	-	10.050	
1	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 174,5 tỷ; NSH: 87 tỷ; NST: 87,5 tỷ)	Xuân Lộc	2022-2025	87.500	55.900	1.500		1.500	UBND huyện Xuân Lộc
2	Đường Xuân Thành - Trảng Táo (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 113,500 tỷđ; NSH: 57tỷ; NST: 56,5 tỷ	Xuân Lộc	2022-2025	56.500	28.600	30		30	UBND huyện Xuân Lộc
3	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2); NST 100%	Xuân Lộc	2022-2025	116.110	51.526	8.520		8.520	UBND huyện Xuân Lộc
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>			-	-	-		-	
<b>A.2</b>	<b>Dự án tắt toán</b>			-	-	2.303	980	3.283	
1	Đường Xuân Trường - Trảng Táo, huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc				1.574		1.574	UBND huyện Xuân Lộc
2	Nút giao thông giữa đường ĐT.765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc				729		729	UBND huyện Xuân Lộc
3	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1A ngã ba Bru Điện	Xuân Lộc					980	980	UBND huyện Xuân Lộc
<b>B</b>	<b>Nguồn đầu giá đất</b>			1.344.865	229.420	74.752	0	74.752	
<b>B.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>			1.057.685	226.420	73.752	0	73.752	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			1.001.542	226.420	67.052	0	67.052	
	<b>Giao thông</b>			1.001.542	226.420	67.052	0	67.052	
1	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 174,5 tỷ; NSH: 87 tỷ; NST: 87,5 tỷ)	Xuân Lộc	2022-2025						UBND huyện Xuân Lộc
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2); NST 100%	Xuân Lộc	2022-2025			20.950		20.950	UBND huyện Xuân Lộc
3	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 359,65 tỷ; NSH: 180 tỷđ; NST: 179,65 tỷ)	Xuân Lộc	tối đa 4 năm	179.650	66.420	20.000		20.000	UBND huyện Xuân Lộc

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐBXĐ	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
4	Nâng cấp đường tỉnh 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), huyện Xuân Lộc và huyện Định Quán (vốn trung ương đầu tư đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến)	Xuân Lộc	2021 - 2024	821.892	160.000	26.102		26.102	
	Trong đó:								
	Đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện bồi thường					26.102		26.102	UBND huyện Xuân Lộc
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>			<b>56.143</b>	-	<b>6.700</b>	-	<b>6.700</b>	
1	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	2024-2026	10.730		100		100	UBND huyện Xuân Lộc
2	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Định huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	2024-2026	13.050		2.500		2.500	UBND huyện Xuân Lộc
3	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	2024-2026	12.440		2.000		2.000	UBND huyện Xuân Lộc
4	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Hoà huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	2024-2026	12.060		100		100	UBND huyện Xuân Lộc
5	Xây dựng mới Trạm Y tế xã thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	2024-2026	7.863		2.000		2.000	UBND huyện Xuân Lộc
<b>B.2</b>	<b>Chi phí chuẩn bị đầu tư</b>			<b>287.180</b>	<b>3.000</b>	<b>1.000</b>	-	<b>1.000</b>	
	<b>Giao thông</b>			<b>287.180</b>	<b>3.000</b>	<b>1.000</b>	-	<b>1.000</b>	
1	Dự án chỉnh trang đô thị, xây kè bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi Le, huyện Xuân Lộc (NST 100%)	Xuân Lộc	tối đa 4 năm	287.180	3.000	1.000	0	1.000	UBND huyện Xuân Lộc
<b>C</b>	<b>Nguồn số xã kiến thiết</b>			-	-	<b>9</b>	<b>2.843</b>	<b>2.852</b>	
	<b>Dự án tất toán</b>			-	-	<b>9</b>	<b>2.843</b>	<b>2.852</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc				9		9	UBND huyện Xuân Lộc
2	Sửa chữa cải tạo TYT xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc					8	8	UBND huyện Xuân Lộc
3	Sửa chữa cải tạo TYT xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc					9	9	UBND huyện Xuân Lộc
4	Sửa chữa cải tạo TYT xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc					7	7	UBND huyện Xuân Lộc

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐBXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
5	Sửa chữa cái tạo TYT xã Xuân Thọ huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc					9	9	UBND huyện Xuân Lộc
6	Sửa chữa cái tạo TYT xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc					8	8	UBND huyện Xuân Lộc
7	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1A ngã ba Bưư Điện	Xuân Lộc					2.802	2.802	UBND huyện Xuân Lộc
<b>D</b>	<b>Nguồn xô số kiến thiết thu vượt năm 2023</b>				-	-	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	
<b>D.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>				-	-	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>				-	-	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	
	<b>Giao thông</b>				-	-	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMĐT: 359,65 tỷ; NSH: 180 tỷđ; NST: 179,65 tỷ)	Xuân Lộc	tối đa 4 năm				30.000	30.000	UBND huyện Xuân Lộc
	<b>Dự án khởi công mới</b>						-	-	



**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (NGÂN SÁCH HUYỆN)**

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐDDX	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024 (NQ 16/NQ-HĐND ngày 30/8/2024)	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>1.677.420</b>	<b>392.248</b>	<b>344.249</b>	<b>(25.000)</b>	<b>319.249</b>	
<b>A</b>	<b>Nguồn ngân sách tập trung</b>			<b>1.117.477</b>	<b>142.899</b>	<b>165.879</b>	<b>0</b>	<b>165.879</b>	
<b>A.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>			<b>992.477</b>	<b>142.029</b>	<b>165.829</b>	<b>-2.538</b>	<b>163.291</b>	
<b>A.1.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			<b>950.582</b>	<b>141.491</b>	<b>154.829</b>	<b>-25.838</b>	<b>128.991</b>	
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>869.178</b>	<b>103.449</b>	<b>146.000</b>	<b>-36.538</b>	<b>109.462</b>	
1	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 172,349 tỷ; NSH: 86,174 tỷ; NST: 86,174 tỷ)	Xuân Hưng	tối đa 4 năm	86.174	17.600	5.000	-3.000	2.000	
2	Đường Xuân Thành - Trảng Táo (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 113,500 tỷ; NSH: 57 tỷ; NST: 56,5 tỷ)	Xuân Thành	tối đa 4 năm	57.000	32.000	5.000	9.500	14.500	
3	Nâng cấp đường Gia Ty, Cao Su	Suối Cao	tối đa 4 năm	143.310	11.000	0	2.000	2.000	
4	Đường Đồi Đá - Bàu Trâm	Bảo Hòa	tối đa 4 năm	99.980	700	30.000	-29.890	110	
5	Nâng cấp, mở rộng Đường Hoàng Đình Thương	TTGR	tối đa 3 năm	58.294	220	15.000	-5.000	10.000	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 479,640 tỷ; NSH: 239,820 tỷ)	TTGR	tối đa 4 năm	239.820	300	30.000	11.052	41.052	
7	Đường Suối Rết B	Xuân Định	tối đa 3 năm	75.000	18.176	23.000	-23.000	0	
8	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (đoạn từ cầu Sông Ray đến đường Lang Minh - Xuân Đông)	Xuân Hiệp	tối đa 3 năm	24.600	6.000	10.000	3.200	13.200	
9	Đường Tân Hữu - Trảng Táo (đoạn từ TL766 đến cầu Suối khi)	Xuân Thành	tối đa 3 năm	30.000	7.000	13.000	600	13.600	
10	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân (giai đoạn 2)	Xuân Thọ	tối đa 3 năm	55.000	10.453	15.000	-2.000	13.000	
<b>II</b>	<b>Kiến thiết thị chính</b>			<b>81.404</b>	<b>10.570</b>	<b>8.829</b>	<b>10.700</b>	<b>19.529</b>	
11	Chỉnh trang công viên tượng đài	TTGR	tối đa 3 năm	32.104	10.145	8.509	700	9.209	
12	Sửa chữa, chỉnh trang các tuyến đường khu trung tâm huyện, chỉnh trang Hoa viên 9 tháng 4	TTGR	tối đa 3 năm	49.300	425	320	10.000	10.320	
<b>III</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>0</b>	<b>27.472</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
13	Trường mầm non Xuân Trường (phân hiệu chính)	Xuân Trường	tối đa 3 năm		800	0		0	
14	Trường TH Trịnh Hoài Đức	Xuân Hiệp	tối đa 3 năm		6.600	0		0	
15	Trường TH Phù Đồng	Bảo Hòa	tối đa 3 năm		9.300	0		0	
16	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Xuân Thành	tối đa 3 năm		1.672	0		0	
17	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xuân Tâm	tối đa 3 năm		7.600	0		0	
9	Trường tiểu học Xuân Tâm 1	Xuân Tâm	tối đa 3 năm		1.500	0		0	
<b>A.1.2</b>	<b>Khởi công mới năm 2024</b>			<b>41.895</b>	<b>538</b>	<b>11.000</b>	<b>23.300</b>	<b>34.300</b>	
<b>I</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>			<b>38.395</b>	<b>438</b>	<b>9.500</b>	<b>21.000</b>	<b>30.500</b>	



Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐBXĐ	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024 (NQ 16/NQ-HĐND ngày 30/8/2024)	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Xây mới phòng làm việc và sửa chữa Trụ sở huyện ủy (Giai đoạn 2)	TTGR	tối đa 3 năm	19.161	300	4.000	13.000	17.000	
2	Trụ sở UBND Thị trấn Gia Ray(Giai đoạn 2)	TTGR	tối đa 3 năm	19.234	138	5.500	8.000	13.500	
<b>II</b>	<b>Kiến thiết thị chính</b>			<b>3.500</b>	<b>100</b>	<b>1.500</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	
3	Chinh trang Khu vực nút giao ngã Ba Bưư điện	TTGR	tối đa 3 năm	3.500	100	1.500		1.500	
<b>I</b>	<b>An ninh - Quốc phòng</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.300</b>	<b>2.300</b>	
1	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Thành	Xuân Thành	tối đa 3 năm				1.500	1.500	
2	Nhà huấn luyện và thi đấu võ thuật của Ban chỉ huy Quân sự huyện	Thị trấn Gia Ray	tối đa 3 năm				800	800	
<b>A.2</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>			<b>125.000</b>	<b>870</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>120.000</b>	<b>820</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đường Xuân Tâm - Trảng Táo	Xuân Tâm	tối đa 3 năm	120.000	820	0		0	
<b>II</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>			<b>5.000</b>	<b>50</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	
3	Trụ sở UBND xã Xuân Phú	Xuân Phú	tối đa 3 năm	5.000	50	50		50	
<b>A.3</b>	<b>Dự án tất toán</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.538</b>	<b>2.538</b>	
1	Cầu Suối vườn ươm áp 2- Xuân Bắc	Xuân Bắc					1.240	1.240	
2	Đường làng dân tộc Chơ-ro áp Bình Hòa, xã Xuân Phú	Xuân Phú					505	505	
3	Trụ sở UBND xã Xuân Hưng	Xuân Hưng					793	793	
<b>B</b>	<b>Nguồn xố số kiến thiết</b>			<b>385.311</b>	<b>129.365</b>	<b>63.513</b>	<b>0</b>	<b>63.513</b>	
<b>B.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>			<b>268.267</b>	<b>59.799</b>	<b>54.802</b>	<b>-1.900</b>	<b>52.902</b>	
<b>B.1.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			<b>195.639</b>	<b>59.222</b>	<b>41.002</b>	<b>0</b>	<b>41.002</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>195.639</b>	<b>59.222</b>	<b>41.002</b>	<b>0</b>	<b>41.002</b>	
1	Trường TH Gia Ray	TTGR	tối đa 4 năm	61.658	18.800	6.100		6.100	
2	Trường mầm non Xuân Trường (phân hiệu chính)	Xuân Trường	tối đa 3 năm	20.978	1.400	8.000	2.500	10.500	
3	Trường TH Trịnh Hoài Đức	Xuân Hiệp	tối đa 3 năm	14.505	3.692	3.000		3.000	
4	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	Xuân Phú	tối đa 3 năm	28.165	1.020	9.000	4.500	13.500	
5	Trường mầm non Xuân Phú	Xuân Phú	tối đa 3 năm	14.697	405	8.000	-7.000	1.000	
6	Trường TH Phú Đồng	Bảo Hòa	tối đa 3 năm	41.136	22.935	6.000		6.000	
7	Trường tiểu học Xuân Tâm 1	Xuân Tâm	tối đa 3 năm	14.500	10.970	902		902	
<b>B.1.2</b>	<b>Khởi công mới năm 2024</b>			<b>72.628</b>	<b>577</b>	<b>13.800</b>	<b>-1.900</b>	<b>11.900</b>	
<b>B.1.2.1</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>72.628</b>	<b>577</b>	<b>13.800</b>	<b>-1.900</b>	<b>11.900</b>	
	<b>Chi phí thiết kế bản vẽ thi công</b>			<b>31.145</b>	<b>204</b>	<b>400</b>	<b>200</b>	<b>600</b>	
1	Trường Mầm non Xuân Hưng	Xuân Hưng	tối đa 3 năm	31.145	204	400	200	600	
<b>B.1.2.2</b>	<b>Khởi công mới năm 2024</b>			<b>41.483</b>	<b>373</b>	<b>13.400</b>	<b>-2.100</b>	<b>11.300</b>	
1	Trường THCS Lê Lợi	Xuân Trường	tối đa 3 năm	10.000	147	8.000	-2.100	5.900	
2	Trường Mầm non Trảng Táo	Xuân Thành	tối đa 3 năm	31.483	226	5.400		5.400	
<b>B.2</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>			<b>117.044</b>	<b>113</b>	<b>2.187</b>	<b>-200</b>	<b>1.987</b>	
	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>74.044</b>	<b>113</b>	<b>1.587</b>	<b>-200</b>	<b>1.387</b>	

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐBXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024 (NQ 16/NQ-HĐND ngày 30/8/2024)	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trường TH Mạc Đình Chi	Suối Cát	tối đa 3 năm	32.444	113	387		387	
2	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Tâm	tối đa 3 năm	14.000	-	400	-200	200	
3	Trường MN Xuân Hiệp	Xuân Hiệp	tối đa 3 năm	17.600	-	400		400	
4	Trường TH Quang Trung	Xuân Bắc	tối đa 3 năm	10.000	-	400		400	
	<b>Giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>43.000</b>	<b>0</b>	<b>600</b>	<b>0</b>	<b>600</b>	
5	Trụ sở Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Xuân Lộc	TTGR	tối đa 3 năm	43.000		600		600	
<b>B.3</b>	<b>Dự án tất toán</b>				<b>69.453</b>	<b>3.021</b>	<b>4.249</b>	<b>7.270</b>	
1	Trường MN Xuân Hòa	Xuân Hòa				1.923		1.923	
2	Trường THCS Ngô Sỹ Liên	Xuân Thành	tối đa 3 năm	21.579	17.170	857	704	1.561	
3	Trường THCS Nguyễn Du	Xuân Định	tối đa 3 năm	41.639	32.200		2.256	2.256	
4	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xuân Tâm	tối đa 3 năm	36.406	20.083	241	1.289	1.530	
<b>B.4</b>	<b>Dự phòng nguồn xố số kiến thiết để cấp vốn cho các dự án đang thi công còn thiếu vốn, các dự án tất toán</b>					<b>3.503</b>	<b>-2.149</b>	<b>1.354</b>	
<b>C</b>	<b>Nguồn thu tiền sử dụng quỹ đất (thu khai thác quỹ đất)</b>				<b>-</b>	<b>500</b>	<b>49.000</b>	<b>-25.000</b>	<b>24.000</b>
<b>C.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>500</b>	<b>7.491</b>	<b>0</b>	<b>7.491</b>
<b>C.1.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>					<b>500</b>	<b>7.491</b>	<b>0</b>	<b>7.491</b>
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>					<b>500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Đường Đồi Đá - Bàu Trâm	Bảo Hòa	tối đa 4 năm		500	0		0	
<b>II</b>	<b>Kiến thiết thị chính</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7.491</b>	<b>0</b>	<b>7.491</b>	
2	Chỉnh trang công viên tượng đài	TTGR	tối đa 3 năm			7.491		7.491	
<b>C.2</b>	<b>Dự án tất toán</b>					<b>5.080</b>	<b>-1.745</b>	<b>3.335</b>	
1	Nâng cấp sửa chữa Trụ Sở UBND huyện	TTGR				1.683		1.683	
2	Cầu Suối vườn ươm ập 2- Xuân Bắc	Xuân Bắc				1.240	-1.240	0	
3	Đường Xuân Trường - Trảng Táo	Xuân Trường				1.372		1.372	
4	Trụ sở UBND xã Xuân Bắc	Xuân Bắc				280		280	
5	Đường làng dân tộc Chơ-ro ập Bình Hòa, xã Xuân Phú	Xuân Phú				505	-505	0	
<b>C.3</b>	<b>Vốn NS huyện hỗ trợ XHH, các công trình đang thi công còn thiếu vốn, các công trình tất toán</b>			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.429</b>	<b>-23.255</b>	<b>13.174</b>	
<b>D</b>	<b>Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách tỉnh</b>			<b>0</b>	<b>45.000</b>	<b>30.000</b>	<b>0</b>	<b>30.000</b>	
<b>D.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>			<b>0</b>	<b>45.000</b>	<b>30.000</b>	<b>0</b>	<b>30.000</b>	
<b>D.1.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			<b>0</b>	<b>45.000</b>	<b>30.000</b>	<b>0</b>	<b>30.000</b>	
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>0</b>	<b>45.000</b>	<b>30.000</b>	<b>0</b>	<b>30.000</b>	
1	Nâng cấp đường Gia Ty, Cao Su	Suối Cao	tối đa 4 năm	-	45.000	29.409		29.409	
2	Đường Đồi Đá - Bàu Trâm	Bảo Hòa	tối đa 4 năm	-	0	591		591	
<b>D.1.2</b>	<b>Khởi công mới năm 2024</b>			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>E</b>	<b>Nguồn Trung ương thương vượt thu</b>				<b>69.984</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>E.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>				<b>69.984</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	



Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐBXĐ	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024 (NQ 16/NQ-HĐND ngày 30/8/2024)	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>E.1.</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>				<b>69.984</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>				<b>29.984</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng Đường Hoàng Đình Thương	TTGR	tối đa 3 năm		29.984	0		0	
<b>II</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>				<b>40.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
2	Trường TH Gia Ray	TTGR	tối đa 4 năm		30.000	0		0	
3	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	Xuân Phú	tối đa 3 năm		10.000	0		0	
<b>F</b>	<b>Nguồn vốn XHH</b>				<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.857</b>	<b>0</b>	<b>27.857</b>
1	Nguồn vốn tinh hỗ trợ XHH GTNT		2021-2025		-	-	13.999		13.999
2	Nguồn thu nhân dân đóng góp XHH GTNT		2021-2025		-	-	13.858		13.858
<b>G</b>	<b>Nguồn tăng thu tiết kiệm chi</b>				<b>174.632</b>	<b>0</b>	<b>3.500</b>	<b>0</b>	<b>3.500</b>
<b>G.1</b>	<b>Thực hiện dự án</b>				<b>9.276</b>	<b>0</b>	<b>3.050</b>	<b>0</b>	<b>3.050</b>
	<b>Khởi công mới năm 2024</b>				<b>9.276</b>		<b>3.050</b>	<b>0</b>	<b>3.050</b>
	<b>An ninh - Quốc phòng</b>				<b>9.276</b>		<b>3.050</b>	<b>0</b>	<b>3.050</b>
1	Trụ sở Công an xã Xuân Phú	Xuân Phú	tối đa 3 năm	9.276		3.050		3.050	
<b>G.2</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>				<b>165.356</b>	<b>0</b>	<b>450</b>	<b>0</b>	<b>450</b>
<b>I</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>				<b>52.559</b>		<b>40</b>	<b>-</b>	<b>40</b>
1	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới Trụ sở UBND xã Xuân Trường	Xuân Trường	tối đa 3 năm	31.087		20		20	
2	Trụ sở UBND xã Xuân Hoà	Xuân Hoà	tối đa 3 năm	21.472		20		20	
<b>II</b>	<b>An ninh - Quốc phòng</b>				<b>112.797</b>		<b>410</b>	<b>-</b>	<b>410</b>
3	Trụ sở Công an xã Bảo Hòa	Bảo Hòa	tối đa 3 năm	8.916		20		20	
4	Trụ sở Công an xã Suối Cát	Suối Cát	tối đa 3 năm	10.742		20		20	
5	Trụ sở Công an xã Xuân Tâm	Xuân Tâm	tối đa 3 năm	11.197		20		20	
6	Trụ sở Công an xã Xuân Hưng	Xuân Hưng	tối đa 3 năm	10.575		20		20	
7	Trụ sở Công an xã Xuân Thành	Xuân Thành	tối đa 3 năm	11.270		20		20	
8	Trụ sở Công an xã Suối Cao	Suối Cao	tối đa 3 năm	10.367		20		20	
9	Trụ sở Công an xã Xuân Định	Xuân Định	tối đa 3 năm	10.462		20		20	
10	Trụ sở Công an xã Lang Minh	Lang Minh	tối đa 3 năm	11.826		20		20	
11	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Tâm	Xuân Tâm	tối đa 3 năm	6.400		20		20	
12	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Thành	Xuân Thành	tối đa 3 năm	6.895		60		60	
13	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Bắc	Xuân Bắc	tối đa 3 năm	11.428		20		20	
14	Nhà huấn luyện và thi đấu võ thuật của Ban chỉ huy Quân sự huyện	Thị trấn Gia Ray	tối đa 3 năm	2.719		150		150	
<b>H</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư khác (từ vốn chi thường xuyên)</b>				<b>4.500</b>	<b>4.500</b>	<b>0</b>	<b>4.500</b>	
1	Vốn ủy thác qua NHCS-XH	NH.CSXH			4.000	4.000		4.000	
2	Hỗ trợ vốn Quỹ Hội Nông Dân	Hội ND			500	500		500	

Phụ lục IV

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH XHH GTNT CÁC XÃ, THỊ TRẤN CHUYÊN TIẾP SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc)

STT	Danh mục dự án	Tổng dự toán được duyệt (giá trị quyết toán)				Nguồn vốn nhân dân				Vốn ngân sách hỗ trợ						
		Tổng dự toán	Trong đó			Phải đóng góp	Đã huy động được	Số còn phải thu (không tính CT thu vượt)	Tỷ lệ	NS Tỉnh		NS Huyện		Phải hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ
			Xây lắp	Chi khác	Phải hỗ trợ					Đã hỗ trợ	Phải hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ				
	<b>Tổng công</b>	79.957	72.703	7.254	25.031	11.482	13.549	46%	30.918	14.194	16.724	23.987	0	23.987		
<b>I</b>	<b>Xã Xuân Định</b>	970	823	147	350	119	231	34%	329	0	329	291	0	291		
1	Hẻm 12 đường Bà Rép	970	823	147	350	119	231	34%	329		329	291		291		
<b>II</b>	<b>Xã Xuân Phú</b>	7.175	6.506	668	1.770	691	1.079	39%	3.252	0	3.252	2.152	0	2.152		
2	Đường nội đồng tổ 1 ấp Bình Hòa	2.332	2.111	222	577	384	193	67%	1.055		1.055	700		700		
3	Đường nội đồng tổ 6 ấp Bình Hòa	754	681	72	188	15	173	8%	340		340	226		226		
4	Đường nội đồng tổ 7 ấp Bình Hòa	3.040	2.762	278	747	135	612	18%	1.381		1.381	912		912		
5	Đường tổ 2 ấp Bình Tân	1.049	952	97	258	157	101	61%	476		476	315		315		
<b>III</b>	<b>Xã Bảo Hòa</b>	4.257	3.874	383	1.431	1.180	251	82%	1.549	0	1.549	1.277	0	1.277		
6	Ngã ba đầu xóm đi đôi so, ấp Bung Cản	3.375	3.065	310	1.137	927	210	82%	1.226		1.226	1.013		1.013		



STT	Danh mục dự án	Tổng dự toán được duyệt (giá trị quyết toán)				Nguồn vốn nhân dân				Vốn ngân sách hỗ trợ				
		Tổng dự toán	Trong đó			Phải đóng góp	Đã huy động được	Số còn phải thu (không tính CT thu vượt)	Tỷ lệ	NS Tỉnh			NS Huyện	
			Xây lắp	Chi khác	Phải hỗ trợ					Đã hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ	Phải hỗ trợ	Đã hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ
7	Đường số 1 ấp Hòa Hợp (Giáp Xuân Phú)	882	809	73	294	253	41	86%	323	323	264	264	264	264
IV	Xã Xuân Thọ	4.622	4.277	346	1.525	600	925	39%	1.711	1.711	1.387	0	1.387	0
8	Đường tổ 6, ấp Thọ Bình	4.622	4.277	346	1.525	600	925	39%	1.711	1.711	1.387	0	1.387	1.387
V	Xã Suối Cao	21.992	19.937	2.056	6.386	3.546	2.840	56%	9.009	8.626	383	6.598	0	6.598
9	Đường Chà Rang - Xuân Thọ	2.624	2.329	295	672	137	535	20%	1.165	1.165	0	787	787	787
10	Đường Chà Rang - Xuân Thọ 1 (ấp Chà Rang)	4.706	4.191	516	1.199	253	946	21%	2.095	2.095	0	1.412	0	1.412
11	Đường tổ 8 ấp Chà Rang	4.205	3.826	379	1.031	725	305	70%	1.913	1.530	383	1.261	0	1.261
12	Sửa chữa nâng cấp đường Trung tâm xã đi đôi đất đỏ	2.608	2.459	149	842	591	251	70%	983	983	0	782	0	782
13	Sửa chữa, nâng cấp Đường khu dân cư bàn cờ ấp Già Lảo	2.010	1.815	195	681	477	204	70%	726	726	0	603	0	603
14	Đường tổ 9 (nhánh 1) Chà Rang	5.840	5.318	522	1.961	1.363	598	70%	2.127	2.127	0	1.752	0	1.752
VI	Xã Xuân Hiệp	0	0	0	0	0	0	0%	0	0	0	0	0	0
VII	Xã Suối Cát													
VIII	Xã Xuân Tâm	7.982	7.243	739	2.674	443	2.232	17%	2.913	83	2.830	2.395	0	2.395

STT	Danh mục dự án	Tổng dự toán được duyệt (giá trị quyết toán)			Nguồn vốn nhân dân				Vốn ngân sách hỗ trợ					
		Tổng dự toán	Trong đó		Phải đóng góp	Đã huy động được	Số còn phải thu (không tính CT thu vượt)	Tỷ lệ	NS Tỉnh			NS Huyện		
			Xây lắp	Chi khác					Phải hỗ trợ	Đã hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ	Phải hỗ trợ	Đã hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ
15	Đường số 9 nhánh 3 áp 3	179	166	13	43	21	22	49%	83	83	0	54	54	0
16	Đường BLT4 - áp Bằng Lăng	2.015	1.829	186	680	90	590	13%	731	731	731	605	605	0
17	Sửa chữa đường số 8 (nối dài) áp 3	633	573	60	214		214	0%	229	229	229	190	190	0
18	Sửa chữa Đường số 18 - áp 1	638	578	60	215	20	195	9%	231	231	231	191	191	0
19	Sửa chữa Đường số 3 - áp 4	376	340	36	127		127	0%	136	136	136	113	113	0
20	Đường BLT7 - áp Bằng Lăng	1.577	1.431	146	532	312	220	59%	572	572	572	473	473	0
21	Đường Suối Lớn T3 (Nội đồng) - áp Gia Ui	2.564	2.327	237	864		864	0%	931	931	931	769	769	0
<b>IX</b>	<b>Xuân Hòa</b>	<b>2.945</b>	<b>2.672</b>	<b>272</b>	<b>898</b>	<b>642</b>	<b>255</b>	<b>72%</b>	<b>1.142</b>	<b>421</b>	<b>721</b>	<b>883</b>	<b>883</b>	<b>0</b>
22	Đường tổ 18 áp 3	406	377	30	96	64	32	67%	188	188	0	122	122	0
23	Đường ngang áp 2+áp 3	138	123	16	36	25	11	70%	61	61	61	42	42	0
24	Đường 7 áp 3 gd 3	273	243	31	49	49	0	100%	121	121	121	82	82	0
25	Đường 5 áp 4	383	348	35	129	91	38	70%	139	139	139	115	115	0
26	Đường ngang tổ 16 áp 3 (Lộc cá)	550	499	51	185	130	54	71%	200	200	200	165	165	0



STT	Dan h mục dự án	Tổng dự toán được duyệt (sắp từ quyết toán)				Nguồn vốn nhân dân				Vốn ngân sách hỗ trợ					
		Tổng dự toán	Trong đó			Phải đóng góp	Đã huy động được	Số còn phải thu (không tính CT thu vượt)	Tỷ lệ	NS Tỉnh			NS Huyện		
			Xây lắp	Chi khác						Phải hỗ trợ	Đã hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ	Phải hỗ trợ	Đã hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ
27	Đường áp 3 - Xuyên Mộc nối dài (Hỗ Thuận)	642	583	59	217	152	65	70%	233	233	0	193			193
28	Đường 3 nối đường 6 áp 2 (sau Trạm Y tế)	551	501	51	186	131	55	70%	200		200	165			165
X	<b>Xã Xuân Trường</b>														
XI	<b>Xã Lang Minh</b>														
XII	<b>Xã Xuân Bắc</b>	6.062	5.567	495	2.016	1.193	823	59%	2.227	1.885	342	1.818	0	1.818	1.818
29	Đường tổ 1 + 2 áp 5	2.343	2.193	150	763	530	233	69%	877	877	0	703			703
30	Đường nối tổ 4 áp 2A	809	734	75	272	217	55	80%	294	294	0	243			243
31	Đường tổ 1+3 áp 2B	1.967	1.784	183	663	343	320	52%	714	714	0	590			590
32	Đường tổ 24 áp 6	943	855	88	318	103	215	32%	342		342	283			283
XIII	<b>Xã Xuân Thành</b>	2.000	1.804	195	679	452	227	67%	721	0	721	600	0	600	600
33	Đường tổ 15-nhánh 16 áp Tân Hữu	315	285	29	106	20	86	19%	114		114	94			94
34	Đường 3/2 nối đường 19/5	819	733	86	280	212	68	76%	293		293	246			246
35	Đường nhánh Tổ 8 áp Tân Hợp	865	786	80	292	220	72	75%	314		314	260			260

STT	Danh mục dự án	Tổng dự toán được duyệt (giá trị quyết toán)				Nguồn vốn nhân dân				Vốn ngân sách hỗ trợ					
		Tổng dự toán	Trong đó			Phải đóng góp	Đã huy động được	Số còn phải thu (không tính CT thu vượt)	Tỷ lệ	NS Tỉnh			NS Huyện		
			Xây lắp	Chi khác	Phải hỗ trợ					Đã hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ	Phải hỗ trợ	Đã hỗ trợ	Còn phải hỗ trợ	
XIV	<b>Xã Xuân Hưng</b>	<b>21.954</b>	<b>20.000</b>	<b>1.954</b>	<b>7.302</b>	<b>2.615</b>	<b>4.687</b>	<b>36%</b>	<b>8.065</b>	<b>3.179</b>	<b>4.886</b>	<b>6.586</b>	<b>0</b>	<b>6.586</b>	
36	Đường số 35 nói dài áp 4	709	658	51	167	142	26	85%	329	329	0	213		213	
37	Hẻm 23, 01, 04 áp 4	550	512	38	180	125	55	69%	205	204	1	165		165	
38	Đường 46-50 áp 3A	605	549	56	204		204	0%	220		220	182		182	
39	Đường 43 ND áp 4	5.205	4.736	469	1.749	211	1.539	12%	1.894		1.894	1.561		1.561	
40	Sửa chữa Đường Suối Bà rùa áp 1	7.257	6.615	642	2.434	1.766	668	73%	2.646		2.646	2.177		2.177	
41	Đường 01 ND áp 4	721	655	66	243	28	215	12%	262		262	216		216	
42	Sửa chữa Đường Đồi Môn áp 4	3.187	2.898	289	1.072	69	1.003	6%	1.159		1.159	956		956	
43	Đường cộ đầu áp 3A	2.469	2.243	225	831	274	557	33%	897		897	741		741	
44	Đường 31 áp 5	1.250	1.133	117	422		422	0%	453		453	375		375	
XV	<b>TT G.Ray</b>														



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH XHH GTNT KẾ HOẠCH 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc)

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch thực hiện (năm)	Chiều dài (Km)	Tổng dự toán được duyệt (giá trị quyết toán)			Nguồn vốn nhân dân		Vốn ngân sách hỗ trợ		ĐVT: Triệu đồng	Ghi chú
				Tổng dự toán	Trong đó		NS Tỉnh	NS Huyện	NS Tỉnh	NS Huyện		
					Xây lắp	Chi khác						
	<b>Tổng công</b>		<b>7,035</b>	<b>16.362</b>	<b>14.232</b>	<b>2.131</b>	<b>5.761</b>	<b>5.693</b>	<b>4.909</b>			
	<b>Xã Bảo Hòa</b>		<b>0,72</b>	<b>1.747</b>	<b>1.515</b>	<b>232</b>	<b>617</b>	<b>606</b>	<b>524</b>			
1	Đường tổ 13B ấp Hòa Bình (Vườn Lan), xã Bảo Hòa	2024	0,715	1.747	1.515	232	617	606	524		Đang vận động thu	
	<b>Xã Suối Cao</b>		<b>0,950</b>	<b>1.851</b>	<b>1.624</b>	<b>227</b>	<b>645</b>	<b>650</b>	<b>555</b>			
2	Đường tổ 6 (nhánh 1) ấp Cây Đa, xã Suối Cao	2024	0,950	1.851	1.624	227	645	650	555		Đang vận động thu	
	<b>Xã Suối Cát</b>		<b>0,780</b>	<b>2.938</b>	<b>2.539</b>	<b>398</b>	<b>1.040</b>	<b>1.016</b>	<b>881</b>			
3	Đường tổ 6 (nối dài), ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát	2024	0,780	1.865	1.612	253	660	645	559		Đang vận động thu	
4	Đường tổ 24 (nối dài), ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát	2024	0,4	1.073	927	146	380	371	322		Đang vận động thu	
	<b>Xã Xuân Tâm</b>		<b>1,052</b>	<b>2.242</b>	<b>1.968</b>	<b>274</b>	<b>782</b>	<b>787</b>	<b>673</b>			

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch thực hiện (năm)	Chiều dài (Km)	Tổng dự toán được duyệt (giá trị quyết toán)			Nguồn vốn nhân dân	Vốn ngân sách hỗ trợ		Ghi chú
				Tổng dự toán	Trong đó			NS Tỉnh	NS Huyện	
					Xây lắp	Chi khác				
5	Sửa chữa đường số 11 ấp 4, xã Xuân Tâm	2024	0,350	778	685	93	271	274	233	Đang vận động thu
6	Đường Suối Lớn T3 (Nội đồng) - ấp Gia Ui	2024	0,702	1.463	1.283	180	511	513	439	Đang vận động thu
	<b>Xã Xuân Trường</b>		<b>2,763</b>	<b>5.491</b>	<b>4.779</b>	<b>712</b>	<b>1.933</b>	<b>1.911</b>	<b>1.647</b>	
7	Đường Song hành ấp Trung Sơn, xã Xuân Trường	2024	1,719	3.554	3.081	474	1.256	1.232	1.066	Đang vận động thu
8	Đường Song hành ấp Trung Hiếu, xã Xuân Trường	2024	1,044	1.937	1.698	239	677	679	581	Đang vận động thu
	<b>Xã Xuân Thành</b>		<b>0,775</b>	<b>2.094</b>	<b>1.807</b>	<b>287</b>	<b>743</b>	<b>723</b>	<b>628</b>	
9	Đường nhánh 3/2 ấp Tân Hữu, xã Xuân Thành	2024	0,375	940	809	131	334	324	282	Đang vận động thu
10	Đường Ván phòng ấp Tân Hưng nói dài, xã Xuân Thành	2024	0,400	1.154	997	156	409	399	346	Đang vận động thu



Phụ lục 1

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ KÉO DÀI THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Xuân Lộc)

STT	Tên dự án (mã dự án)	Nhóm DA	Tổng mức đầu tư	Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện dự án	Chi tiết kế hoạch vốn bố trí và giải ngân hằng năm	Kiến nghị thời gian bố trí vốn thực hiện dự án	Nguyên nhân chậm thực hiện	Xác định trách nhiệm chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan
A	<b>CẤP HUYỆN</b>							
1	Nâng cấp, mở rộng Đường Hoàng Đình Thương- Mã dự án 7884127	C	60.000	2022	(1) KH 2021: 200 trđ, giải ngân 200 trđ; (2) KH 2022: 30.220 trđ, giải ngân 20 trđ; (3) KH 2023: 30.000 trđ, giải ngân 29.983 trđ; hủy dự toán 17 trđ; (4) KH 2024: 15.000 trđ, giải ngân 15.000 trđ;	đến năm 2025	'Nguyên nhân: Do điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy hoạch xây dựng được duyệt điều chỉnh (mặt đường, vỉa hè và bổ sung ngầm hóa hệ thống điện Trung, hạ thế và trạm biến áp); một số hộ dân chưa bàn giao mặt bằng.	Tiến độ thực hiện chậm do hiện nay còn một số hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Đồng thời, dự án mới được điều chủ trương đầu tư và điều chỉnh dự án và thiết kế.
2	Trường TH Trịnh Hoài Đức- Mã dự án 7923633	C	14.505	2022	(1) KH 2021: 200 trđ, giải ngân 200 trđ; (2) KH 2022: 92 trđ, giải ngân 92 trđ; (3) KH 2023: 10.000 trđ, giải ngân 10.000 trđ; (4) KH 2024: 3.000 trđ, giải ngân 3.000 trđ;	đến năm 2025	Nguyên nhân: Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục giao đất nền chưa đảm bảo điều kiện khởi công dự án trên phần đất thu hồi	Trách nhiệm: Các cơ quan chuyên môn của huyện thực hiện hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và bàn giao cho chủ đầu tư trong tháng 9/2024 đối với phần diện tích đất mở rộng. Đến nay mới được giao đất; đang thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu và khởi công công trình trong tháng 11/2024.
3	Trường TH Phù Đồng - Mã dự án 7923630	C	41.136	2022	(1) KH 2021: 300 trđ, giải ngân 300 trđ; (2) KH 2022: 10.020 trđ, giải ngân 10.020 trđ; (3) KH 2023: 21.615 trđ, giải ngân 21.615 trđ; (4) KH 2024: 6.000 trđ, giải ngân 5.000 trđ;	đến năm 2025	Nguyên nhân: Do chưa thực hiện hoàn thành công tác bồi thường và giao đất thực hiện dự án trên phần đất thu hồi	Trách nhiệm: Các cơ quan chuyên môn của huyện chưa thực hiện hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng; chậm trong công tác xác định giá đất.
4	Đường Suối Rét B - Mã dự án 7884125	C	75.000	2022	(1) KH 2021: 1.200 trđ, giải ngân 1.008 trđ; (2) KH 2022: 279 trđ, giải ngân 279 trđ; (3) KH 2023: 17.000 trđ, giải ngân 163.889 trđ; hủy dự toán 111 trđ; (4) KH 2024: 0trđ, giải ngân 0 trđ;	đến năm 2025	Chủ đầu tư đang thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư	Trong quá trình thực hiện Chủ đầu tư lập khái toán kinh phí bồi thường quá thấp, chưa phù hợp với thực tế dẫn đến quá trình triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, chi phí bồi thường thực tế tăng làm vượt tổng mức đầu tư dự án.